

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG

Số: 393 /BC-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kiên Giang, ngày 15 tháng 10 năm 2022

## BÁO CÁO

### Về dự kiến kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính.

Thực hiện Công văn số 7248/BKHĐT-TH ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc dự kiến kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước năm 2023. Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về dự kiến kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang như sau:

## I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

### 1. Tình hình giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước năm 2022

- Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang được Hội đồng nhân dân tỉnh giao theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2021 là 5.124.419 triệu đồng (trong đó: nguồn ngân sách địa phương 3.920.690 triệu đồng; nguồn ngân sách Trung ương 1.193.729 triệu đồng), Ủy ban nhân dân tỉnh đã triển khai giao chi tiết vốn cho các Sở, ban, ngành và địa phương triển khai thực hiện, đến ngày 31/3/2022 đã giao 100% so với Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh, tại các quyết định: Quyết định số 3208/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2021 giao chi tiết kế hoạch vốn ngân sách Nhà nước năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu Biển Đông - Hải đảo đảm bảo cho lĩnh vực quốc phòng an ninh trên biển và hải đảo; Quyết định số 485/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2022 về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Trung ương năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (đợt 2); Quyết định số 845/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2022 về việc giao



chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Trung ương năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (đợt 3);

- Ngày 28 tháng 5 năm 2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 653/QĐ-TTg về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình Mục tiêu Quốc gia với tổng dự toán là 203.697 triệu đồng.

Như vậy, tổng kế hoạch vốn ngân sách Nhà nước năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang là 5.328.116 triệu đồng.

## **2. Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước 09 tháng và ước thực hiện cả năm 2022**

- Kết quả giải ngân đến ngày 30/9/2022, giá trị giải ngân là 2.649.716/5.328.116 triệu đồng, đạt 49,73% kế hoạch.

- Ước thực hiện đến 31/01/2023 giá trị giải ngân là 5.244.613 triệu đồng, đạt 98,43% kế hoạch; phần đầu đạt 100% kế hoạch, chi tiết từng nguồn vốn như sau:

### **a) Vốn ngân sách địa phương:**

- Tổng giá trị giải ngân đến ngày 30/9/2022 là 2.131.446/3.978.390 triệu đồng, đạt 54,23% kế hoạch, trong đó:

+ Chi xây dựng cơ bản tập trung trong nước: giải ngân 596.662/1.019.590 triệu đồng, đạt 58,52% kế hoạch;

+ Chi đầu tư từ nguồn sử dụng đất: giải ngân 464.347/1.300.000 triệu đồng, đạt 35,72% kế hoạch;

+ Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: giải ngân 1.059.337/1.600.000 triệu đồng, đạt 66,21% kế hoạch;

+ Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương: giải ngân 11.100/11.100 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch;

- Ước đến ngày 31/01/2023 giá trị giải ngân 3.856.898/3.978.390 triệu đồng, đạt 98,12% kế hoạch.

### **b) Vốn ngân sách Trung ương:**

- Tổng giá trị giải ngân đến ngày 30/9/2022 là 518.270/1.397.426 triệu đồng, đạt 37,09% kế hoạch, trong đó:

+ Vốn trong nước (bao gồm vốn 03 Chương trình mục tiêu Quốc gia): giải ngân 468.785/1.298.415 triệu đồng, đạt 36,01% kế hoạch;

+ Vốn nước ngoài (ODA): giải ngân 49.485/99.011 triệu đồng, đạt 49,98% kế hoạch;

- Ước đến ngày 31/01/2023 giải ngân 89.300/99.011 triệu đồng, đạt 90,19% kế hoạch.

### **3. Các giải pháp đã triển khai thực hiện đẩy nhanh tiến độ**

Xác định việc đẩy mạnh giải ngân vốn ngân sách Nhà nước là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của năm 2022 nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện cao nhất các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2022. UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 15/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2022; Công văn số 688/UBND-KT ngày 10/5/2022 về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài; tổ chức các cuộc họp, làm việc tại UBND tỉnh để tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ. Qua đó ban hành các văn bản chỉ đạo, đề ra các giải pháp đẩy nhanh tiến độ giải ngân, cụ thể:

(a) Để đẩy mạnh tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn năm 2022, trong tháng 5/2022 UBND tỉnh Kiên Giang đã trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 60/NQ-HĐND về việc, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn một số danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang với tổng kế hoạch điều chỉnh tăng, giảm là 371.185 triệu đồng, gồm: tăng kế hoạch vốn 25 dự án và giảm kế hoạch vốn 14 dự án; trên cơ sở đó UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1298/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2022 về việc, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn một số danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

(b) Giao nhiệm vụ cho người đứng đầu các sở, ban, ngành, ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các chủ đầu tư phải đề ra các giải pháp cụ thể nhằm kịp thời chấn chỉnh, khắc phục ngay những tồn tại, hạn chế trong năm 2021, trường hợp vượt thẩm quyền phải chủ động báo cáo, đề xuất UBND hướng xử lý.

(c) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, chấp hành nghiêm các quy định trong quản lý đầu tư công, đấu thầu, xây dựng, thanh toán vốn. Tổ chức lập kế hoạch

chi tiết cho từng dự án từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư đến triển khai thi công, nghiệm thu và thanh quyết toán đảm bảo phù hợp tiến độ chung của dự án và đúng quy định. Phân công cụ thể lãnh đạo, cán bộ theo dõi chỉ đạo, điều hành công việc từ khâu lập, thẩm định hồ sơ dự án - thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công - dự toán, kế hoạch đấu thầu và triển khai thi công; Xây dựng tiến độ chi tiết cho từng dự án/công trình để theo dõi, đôn đốc, quản lý tiến độ.

(d) Các chủ đầu tư và Ban quản lý dự án chủ động, tích cực phối hợp chặt chẽ với UBND cấp huyện nơi có dự án để đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng. Thường xuyên theo dõi, kịp thời giải quyết các phát sinh, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

(đ) Các chủ đầu tư, Ban quản lý dự án tăng cường công tác họp giao ban định kỳ hàng tháng với các nhà thầu để nắm sát tình hình thực hiện dự án, tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc (nếu có). Thường xuyên thực hiện công tác giám sát và đánh giá đầu tư. Kiên quyết xử phạt, cắt hợp đồng các nhà thầu vi phạm hợp đồng vượt thời gian thực hiện nhưng không có lý do chính đáng.

(e) Tăng cường công tác nghiệm thu từng giai đoạn để giải ngân vốn kịp thời khi có khối lượng hoàn thành. Đẩy nhanh công tác quyết toán công trình khi được nghiệm thu đưa vào sử dụng theo đúng thời gian quy định tại Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính và có biện pháp xử lý nghiêm đối với các đơn vị không quyết toán, quyết toán chậm gây ảnh hưởng đến công tác bố trí kế hoạch vốn.

(g) Nâng cao chất lượng thẩm định dự án - thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công - dự toán. Tăng cường công tác tập huấn phổ biến các văn bản quy định mới, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ tham gia các lĩnh vực quản lý đầu tư công.

(h) Kiểm tra đôn đốc, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho chủ đầu tư, ban quản lý dự án đẩy nhanh tiến độ thực hiện đầu tư công; thực hiện thanh, kiểm tra đầu tư công theo kế hoạch. Định kỳ hàng tháng, quý, năm tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh tình hình thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2022, tình hình quyết toán dự án hoàn thành, danh mục các dự án đầu tư đã phê duyệt quyết toán thiếu vốn làm cơ sở bố trí vốn thanh toán tại cuộc họp thường kỳ của UBND tỉnh.

(i) Tập trung tổ chức thực hiện và chỉ đạo Kho bạc Nhà nước cấp huyện tiếp tục thực hiện tốt công tác giải ngân vốn, khi đầy đủ hồ sơ dự án phải giải ngân chậm nhất trong thời hạn 03 ngày.

(k) Ban hành kế hoạch thi đua chuyên đề để phát động phong trào thi đua thực hiện đầu tư công năm 2022 để làm cơ sở xét khen thưởng các đơn vị đạt thành tích tốt theo quy định; Đồng thời, tham mưu gợi ý kiểm điểm, đánh giá cán bộ đối với các tổ chức, cá nhân, đơn vị không thực hiện đạt chỉ tiêu đề ra theo phân cấp quản lý.

## II. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

### 1. Quan điểm, mục tiêu và định hướng đầu tư ngân sách Nhà nước năm 2023

(1) Bám sát quan điểm chỉ đạo, định hướng, chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu tại Kết luận số 11-KL/TW ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII, các Nghị quyết, kết luận của Đảng, Nghị quyết số 29/2021/QH15 của Quốc hội và các Nghị quyết, thông báo khác của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và của Chính phủ, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ.

(2) Bám sát, cụ thể hóa các mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nhất là đột phá về cơ sở hạ tầng chiến lược; tập trung đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, dự án thuộc Nhà Chương trình Phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, dự án trọng điểm có tính kết nối, tác động lan tỏa tới phát triển liên vùng, vùng và địa phương, dự án công nghệ thông tin,...góp phần thúc đẩy tăng trưởng, tạo ra động lực mới, không gian mới cho phát triển kinh tế trong thời gian tới.

(3) Tiếp tục khắc phục tình trạng đầu tư manh mún, dàn trải, phân tán, lãng phí, kém hiệu quả, nâng cao hiệu quả đầu tư công; tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án để thúc đẩy giải ngân vốn; khen thưởng kỷ luật kịp thời, nghiêm minh. **Phân bổ, giải ngân toàn bộ nguồn vốn của Nhà Chương trình Phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội** bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn, công khai minh bạch.

### 2. Dự kiến kế hoạch năm 2023

Tổng dự kiến kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước năm 2023 là 5.581.736 triệu đồng (*Chi tiết từng nguồn vốn kèm theo phụ lục I*), trong đó:

(1). Vốn ngân sách địa phương: 3.766.189 triệu đồng, gồm: Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước là 1.066.189 triệu đồng; đầu tư từ nguồn sử dụng đất là 1.000.000 triệu đồng; đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết là



1.600.000 triệu đồng;

(2). Vốn ngân sách trung ương: 1.815.547 triệu, trong đó:

(2.1). Vốn trong nước: 1.785.547 triệu đồng (đã bao gồm vốn thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội 562.000 triệu đồng), bố trí vốn thực hiện như sau:

- Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác: bố trí 200.000 triệu đồng/01 dự án;
- Lĩnh vực giao thông khác: bố trí 450.897 triệu đồng/07 dự án.
- Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: bố trí 221.603 triệu đồng/04 dự án;
- Lĩnh vực văn hóa: bố trí 50.000 triệu đồng/01 dự án;
- Lĩnh vực quốc phòng: bố trí 100.000 triệu đồng (có văn bản báo cáo theo quy định mật, tối mật).;
- Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 73.473 triệu đồng;
- Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững: 12.884 triệu đồng;
- Chương trình mục tiêu Quốc gia nông thôn mới: 114.690 triệu đồng.

*(Chi tiết kèm theo phụ lục II.a)*

- Vốn Nhà Chương trình Phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội 562.000 triệu đồng/05 dự án *(Chi tiết kèm theo phụ lục II.b)*, trong đó:

- + Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: bố trí 250.000 triệu đồng/02 dự án;
- + Lĩnh vực an sinh xã hội: bố trí 100.000 triệu đồng/01 dự án;
- + Lĩnh vực y tế: bố trí 212.000 triệu đồng/02 dự án;

(2.2). Vốn nước ngoài: 30.000 triệu đồng, bố trí cho 01 dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025 thuộc lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản.

*(Chi tiết kèm theo phụ lục III).*

### **3. Các khó khăn trong xây dựng kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước năm 2023**

- Đối với các dự án thuộc lĩnh vực Quốc phòng trên địa bàn tỉnh, do dự án có quy mô lớn, thuộc tính chất mật, tối mật nên đơn vị chủ đầu tư còn lúng túng trong quy trình chuẩn bị thủ tục hồ sơ để bố trí vốn thực hiện dự án.

- Đối với các dự án thuộc Nhà Chương trình Phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, việc bố trí vốn đảm bảo giải ngân và hoàn thành trong năm 2023 theo quy định tại tiết đ điểm 1.2 khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết số 43/2022/QH15 là một thách thức đối với địa phương. Do hầu hết các dự án thuộc Chương trình đều có quy mô lớn, nhưng chỉ được thực hiện và hoàn thành trong năm kế hoạch.

#### **4. Các giải pháp thực hiện kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước năm 2023**

Để thực hiện hoàn thành kế hoạch đầu tư công năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh đề ra một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như sau:

4.1. Chú trọng nâng cao chất lượng việc lập các hồ sơ thủ tục chuẩn bị đầu tư (dự án đầu tư, hồ sơ thiết kế, ...).

4.2. Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thành phố và các chủ đầu tư, ban quản lý dự án tỉnh:

a) Tăng cường kỷ luật, chấp hành nghiêm các quy định trong quản lý đầu tư công, đấu thầu, xây dựng, thanh toán vốn, ... Tổ chức lập kế hoạch và phân công cụ thể lãnh đạo, cán bộ theo dõi chỉ đạo, điều hành công việc từ khâu lập, thẩm định thiết kế, kế hoạch đấu thầu và triển khai thi công, đảm bảo phù hợp tiến độ và đúng quy định.

b) Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố và chủ đầu tư; đề ra các giải pháp nhằm khắc phục ngay những tồn tại, hạn chế. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình; tiến hành nghiệm thu và lập hồ sơ thanh toán ngay khi có khối lượng hoàn thành.

c) Tăng cường công tác thanh, kiểm tra, quản lý chất lượng công trình, dự án; lập hồ sơ thanh, quyết toán các dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng đúng thời gian quy định.

#### **IV. KIẾN NGHỊ**

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Kiên Giang nhiệm kỳ 2021- 2025. Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính xem xét báo cáo Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ

các khó khăn trong thực hiện kế hoạch năm 2023, nhất là các khó khăn trong thực hiện các dự án thuộc Nhà Chương trình Phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

Trên đây là báo cáo của UBND tỉnh Kiên Giang về dự kiến kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. *uuu*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, P KT;
- Lưu: VT, nknguyen (01b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thanh Nhàn**





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu số I

ƯỚC TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022 VÀ  
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023 CỦA TỈNH KIÊN GIANG

(Kèm theo Báo cáo số 393/BC-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Năm 2022			Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Dự kiến kế hoạch năm 2023		Ghi chú
		Kế hoạch	Thực hiện từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/9/2022	Ước giải ngân từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/01/2023		Tổng số	Trong đó: Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>5.328.116</b>	<b>2.649.716</b>	<b>5.244.613</b>	<b>28.828.574</b>	<b>5.581.736</b>	<b>562.000</b>	
1	Vốn Ngân sách nhà nước	5.328.116	2.649.716	5.244.613	28.828.574	5.581.736	562.000	
	<i>Trong đó:</i>							
a)	Vốn ngân sách địa phương	3.930.690	2.131.446	3.856.898	21.440.300	3.766.189	-	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1.019.590	596.662	999.538	5.747.500	1.066.189		
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	1.300.000	464.347	1.246.290	7.000.000	1.000.000		
-	Đầu tư từ nguồn thu Xổ số kiến thiết	1.600.000	1.059.337	1.599.970	8.644.000	1.700.000		
-	Bộ chi ngân sách địa phương	11.100	11.100	11.100	48.800			

STT	Nguồn vốn	Năm 2022			Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Dự kiến kế hoạch năm 2023		Ghi chú
		Kế hoạch	Thực hiện từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/9/2022	Ước giải ngân từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/01/2023		Tổng số	Trong đó: Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
b)	<i>Vốn ngân sách trung ương</i>	<i>1.397.426</i>	<i>518.270</i>	<i>1.387.715</i>	<i>7.388.274</i>	<i>1.815.547</i>	<i>562.000</i>	
-	Vốn trong nước	1.298.415	468.785	1.298.415	6.851.241	1.785.547	562.000	
	<i>Trong đó:</i>							
	<i>- Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác.</i>				<i>1.300.000</i>	<i>200.000</i>		
	<i>- Vốn thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>	<i>58.741</i>		<i>58.741</i>	<i>273.415</i>	<i>73.473</i>		
	<i>- Vốn thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững</i>	<i>19.106</i>		<i>19.106</i>	<i>57.756</i>	<i>12.884</i>		
	<i>- Vốn thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia nông thôn mới</i>	<i>125.850</i>		<i>125.850</i>	<i>424.370</i>	<i>114.690</i>		
	<i>- Từ nguồn vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội</i>					<i>562.000</i>	<i>562.000</i>	

STT	Nguồn vốn	Năm 2022			Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Dự kiến kế hoạch năm 2023		Ghi chú
		Kế hoạch	Thực hiện từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/9/2022	Ước giải ngân từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/01/2023		Tổng số	Trong đó: Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
-	Vốn nước ngoài	99.011	49.485	89.300	537.033	30.000		



Biểu số 11a  
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2022  
VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2023 ĐỐI VỚI DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THỰC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSNN GIAI ĐOẠN 2021-2025  
(Kèm theo Báo cáo số 30/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhiệm vụ dự án	Điểm đầu XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Năm 2022								KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025						Dự kiến kế hoạch 2023			Ghi chú						
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		gửi ngân từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/9/2022		Ước giá trị ngân từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/01/2023		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2022		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025						Dự kiến kế hoạch 2023								
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó: NSTW			Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW							
																	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Chẩn bị đầu tư	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)		Chẩn bị đầu tư	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Chẩn bị đầu tư	
1	TỔNG SỐ					7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	
							9.755.221	8.434.205	1.298.415	1.298.415	468.785	468.785	1.298.415	1.298.415	2.815.135	2.815.135	6.232.007	0	0	0	1.817.941	0	0	1.500	1.223.547	1.223.547	0	0	0		
A	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG						4.938.919	4.223.798	673.718	673.718	284.187	284.187	673.718	673.718	1.734.515	1.734.515	3.529.430	0	0	0	1.109.718	0	0	1.500	650.897	650.897	0	0	0		
1	Danh mục dự án quan trọng quốc gia, các dự án cao tốc, các dự án trọng điểm, có sức lan tỏa cao, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội						1.479.922	1.300.000	200.000	200.000	1.329	1.329	200.000	200.000	400.000	400.000	1.300.000	0	0	0	400.000	0	0	0	200.000	200.000	0	0	0		
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023						1.479.922	1.300.000	200.000	200.000	1.329	1.329	200.000	200.000	400.000	400.000	1.300.000	0	0	0	400.000	0	0	0	200.000	200.000	0	0	0		
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ ven biển từ Hòn Đai đi Kiên Lương	B	các huyện: Hòn Đai, Kiên Lương	39,4km; 24 cầu	2021-2024	số 2247/QĐ-UBND ngày 23/9/2021; số 302/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh	1.479.922	1.300.000	200.000	200.000	1.329	1.329	200.000	200.000	400.000	400.000	1.300.000									200.000	200.000				
11	Danh mục dự án giao thông khác						3.458.998	2.923.798	473.718	473.718	282.858	282.858	473.718	473.718	1.334.515	1.334.515	2.229.430	0	0	0	709.718	0	0	1.500	450.897	450.897	0	0	0		
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023						2.589.798	2.064.598	472.218	472.218	281.858	281.858	472.218	472.218	1.333.015	1.333.015	1.370.230	0	0	0	708.218	0	0	0	280.897	280.897	0	0	0		
1	Đường ven sông Cái Lớn (đi qua huyện An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận và một phần huyện Gò Quao)	B	các huyện: An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận, Gò Quao.	21 km; 18 cầu	2017-2022	số 2711/QĐ-UBND, số 30/10/2017; số 1244/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh	309.000	265.500	38.730	38.730	7.448	7.448	38.730	38.730	265.800	265.800	78.730									78.730					
2	Đường Minh Lương - Giục Trưng	B	huyện Châu Thành	5,58 km; 06 cầu 03 cống	2021-2023	số 2711/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của UBND huyện Châu Thành	168.798	168.798	75.000	75.000	73.936	73.936	75.000	75.000	78.000	78.000	168.000									40.897	40.897				
3	Cầu thị trấn Thới 11 (vượt kênh Tân Bàng - Cấn Gáo)	B	huyện An Minh	tại trung cầu 25 tấn	2021-2024	số 1973/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện An Minh	200.000	200.000	54.750	54.750	46.401	46.401	54.750	54.750	57.750	57.750	200.000									50.000	50.000				
4	Cầu Thới Ba (ngang Lênh xáng Xẻo Rô)	B	huyện An Biên	tại trung cầu 25 tấn	2021-2024	số 7519/QĐ-UBND ngày 21/9/2021 của UBND huyện An Biên	250.000	250.000	100.000	100.000	73.938	73.938	100.000	100.000	120.000	120.000	250.000									90.000	90.000				



TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Năm 2022								Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2022		KH đầu tư trong hạn giai đoạn 2021-2025							Dự kiến kế hoạch 2023				Ghi chú		
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Giải ngân từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/9/2022		Lũy giải ngân từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/01/2023		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó: NSTW			Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021-2022			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Chuyển bị đầu tư	Tổng số		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuyển bị đầu tư	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Chuyển bị đầu tư
5	Đường tránh thị trấn Kiên Lương (điểm đầu ĐT 971 đến trạm điện Kiên Bình thuộc QL 80)	B	huyện Kiên Lương	11,2km; 05 cầu	2022-2025	Số 199/QĐ-UBND ngày 09/02/2022 của UBND huyện Kiên Lương.	350.000	350.000	40.238	40.238	2.792	2.792	40.238	40.238	40.238	40.238	350.000				40.238				100.000	100.000					
6	Đường trung tâm Bãi Trường đoạn 3 và các đường nhánh	B	huyện Phú Quốc	8,8 km	2016-2023	07/QĐ-BQLKKTPO, ngày 29/10/2015; 37/QĐ-BQLKKTPO, ngày 28/3/2016; 97/QĐ-BQLKKTPO, ngày 13/05/2020 của Ban quản lý Khu kinh tế Phú Quốc.	1.312.000	830.000	163.500	163.500	77.343	77.343	163.500	163.500	761.227	761.217	323.500				323.500				0						
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2023						859.200	859.200	1.500	1.500	1.000	1.000	1.500	1.500	1.500	1.500	859.200	0	0		1.500	0	0	1.500	170.000	170.000	0	0			
1	Mở rộng tuyến đường Mỹ Thủy, Mỹ Hiệp Sơn huyện Hòn Đất	B	huyện Hòn Đất	34,7km	2022-2025	Số 10/NQ-HĐND ngày 04/5/2021 của HĐND huyện Hòn Đất.	129.200	129.200	500	500	500	500	500	500	500	500	129.200				500				500	50.000	50.000				
2	Đường kết nối để bao ven biển với cầu Thủ ba	B	huyện An Biên	22,9km	2022-2025	Số 38/NQ-HĐND, 27/11/2020 của HĐND huyện An Biên.	391.000	391.000	500	500	0	0	500	500	500	500	391.000				500				500	50.000	50.000				
3	Đầu tư xây dựng công trình đường ven sông Cối Lâu (trên địa bàn huyện Vĩnh Thuận)	B	huyện Vĩnh Thuận	3,68km; 24 cầu	2021-2024	Số 1443/QĐ-UBND, 29/7/2022 của UBND huyện Vĩnh Thuận.	339.000	339.000	500	500	500	500	500	500	500	500	339.000				500				500	70.000	70.000				
B	NGÂN SÁCH VÀ CÔNG NGHIỆP						2.505.492	2.057.407	211.230	211.230	122.922	122.922	211.230	211.230	470.926	470.926	946.036	0	0		396.526	0	0	0	221.603	221.603	0	0			
1	Thực hiện dự án						2.505.492	2.057.407	211.230	211.230	122.922	122.922	211.230	211.230	470.926	470.926	946.036	0	0		396.526	0	0	0	221.603	221.603	0	0			
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023						1.484.000	1.484.000	181.230	181.230	98.839	98.839	181.230	181.230	440.926	440.926	372.629	0	0		366.526	0	0	0	6.103	6.103	0	0			
1	Dự án đầu tư xây dựng 18 công trình tuyến đường ven biển tỉnh Kiên Giang	B	các huyện: An Biên, An Minh, Châu Thành, Kiên Lương.	18 công	2019-2023	2516/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019	1.484.000	1.484.000	181.230	181.230	98.839	98.839	181.230	181.230	440.926	440.926	372.629				366.526				6.103	6.103					
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023						80.000	80.000	30.000	30.000	24.083	24.083	30.000	30.000	30.000	30.000	80.000	0	0		30.000	0	0	0	30.000	30.000	0	0			
1	Kẻ chống sét lò kính Hà Giang (đoạn Trung tâm hành chính - Khu dân cư Đầm Chít)	B	huyện Giang Thành	2,2km	2022-2024	Số 2622/QĐ-UBND ngày 14/10/2021 của UBND huyện Giang Thành.	80.000	80.000	30.000	30.000	24.083	24.083	30.000	30.000	30.000	30.000	80.000				30.000				30.000	30.000					
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2023						941.492	493.407	0	0	0	0	0	0	0	0	493.407	0	0		0	0	0	185.500	185.500	0	0				

TT	Định mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Năm 2022								Đã bố trí vốn đến hết XII năm 2022						KII đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025						Dự kiến kế hoạch 2023						Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Giải ngân từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/9/2022		Ước giải ngân từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/01/2023		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSTW					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:								
																		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Chuyển bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Chuyển bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Chuyển bị đầu tư						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31				
1	Dự án bảo vệ, phát triển rừng và phòng cháy chữa cháy	B	tỉnh Kiên Giang	Mua sắm trang thiết bị, phương tiện PCCC; nâng cấp phần mềm GIS; xây dựng cơ sở hạ tầng	2022-2025	Số 37/NQ-HĐND ngày 14/11/2021 của HĐND tỉnh	60.000	60.000							0	0	60.000									43.000	43.000							
2	Xây dựng hệ thống cấp nước liên huyện Gò Quao-Giồng Riềng-Châu Thành-Vĩnh Thuận-An Biên-An Minh-U Minh Thượng	B	tỉnh Kiên Giang	96 km tuyến ống chuyển tải nước; hồ chứa 500.000m <sup>3</sup> (diện tích hồ: 30ha); Công suất 30.000m <sup>3</sup> /ngày đêm; trạm bơm	2022-2025	Số 36/NQ-HĐND ngày 14/11/2021 của HĐND tỉnh	881.492	433.407							0	0	433.407										142.500	142.500						
C	NGÂN/HÀNH VỤ VĂN HÓA						353.809	200.000	100.000	100.000	1.067	1.067	100.000	100.000	100.000	100.000	200.000	0	0	0	0	0	0	0	0	50.000	50.000	0	0	0				
f	Thực hiện dự án						353.809	200.000	100.000	100.000	1.067	1.067	100.000	100.000	100.000	100.000	200.000	0	0	0	0	0	0	0	0	50.000	50.000	0	0	0				
(h)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023						353.809	200.000	100.000	100.000	1.067	1.067	100.000	100.000	100.000	100.000	200.000	0	0	0	0	0	0	0	0	50.000	50.000	0	0	0				
1	Đầu tư xây dựng quảng trường trung tâm và tượng đài Bác Hồ tại phường Dương Đông, TP Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	B	Thành phố Phú Quốc	Tượng đài, phù điêu, sân quảng trường, khu trưng bày; hệ thống hạ tầng	2021-2025	Số 83/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của UBND tỉnh	355.809	200.000	100.000	100.000	1.067	1.067	100.000	100.000	100.000	100.000	200.000										50.000	50.000						
E	NGÂN/HÀNH VỤ QUỐC PHÒNG						1.917.000	1.917.000	104.770	104.770	3.508	3.508	104.770	104.770	285.000	285.000	785.000	0	0	0	0	0	0	0	0	100.000	100.000	0	0	0				
F	NGÂN/HÀNH VỤ XÃ HỘI						25.000	18.000	5.000	5.000	3.508	3.508	5.000	5.000	18.000	18.000	8.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
f	Thực hiện dự án						25.000	18.000	5.000	5.000	3.508	3.508	5.000	5.000	18.000	18.000	8.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
(h)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022						25.000	18.000	5.000	5.000	3.508	3.508	5.000	5.000	18.000	18.000	8.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
1	Dự án nâng cấp, sửa chữa, bổ sung trang thiết bị cơ sở an ninh ma túy do chức năng tỉnh Kiên Giang	C	Xã Mỹ Hiệp Sơn-huyện Hòn Đất	xã 15 phòng học; nhà đa năng; các hạng mục phụ	2020-2022	Số 2492/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của UBND tỉnh	25.000	18.000	5.000	5.000	3.508	3.508	5.000	5.000	18.000	18.000	8.000																	
G	Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi								38.741	38.741			38.741	38.741	38.741	38.741	273.415									73.473	73.473							
II	Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững								19.106	19.106			19.106	19.106	19.106	19.106	57.756									12.854	12.854							
I	Chương trình mục tiêu Quốc gia nông thôn mới								125.850	125.850			125.850	125.850	125.850	125.850	424.370									114.690	114.690							



Biểu số II.b  
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2022  
VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2023 ĐỐI VỚI DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Báo cáo số 045/BC-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Năm 2022								Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2022		KH Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội				Dự kiến kế hoạch 2023		Ghi chú			
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		giải ngân từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/9/2022		Ước giải ngân từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/01/2023		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó: NSTW		Trong đó: đã giao kế hoạch năm 2022		Trong đó: NSTW		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW							Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư	Tổng số		Trong đó: Chuẩn bị đầu tư	Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư
1	TỔNG SỐ						602.764	562.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	562.000	0	0	0	562.000	0				
A	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIEM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN						270.000	250.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	250.000	0	0	0	250.000	0				
I	Thực hiện dự án						270.000	250.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	250.000	0	0	0	250.000	0				
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023						270.000	250.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	250.000	0	0	0	250.000	0				
1	Dự án chống sạt lở bờ biển và phục hồi tuyến đê, kè biển từ Tiểu Đê đến khu vực Kim Quy, huyện An Minh	B	huyện An Minh	3,152km; công trình phụ.	2022-2023	số 64/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh;	150.000	150.000										150.000				150.000					
2	Dự án kè xử lý sạt lở cấp bách bờ Tây kênh Ông Hiến (từ đường Nguyễn Thái Học đến đường Sư Thiện Ân, phường Vĩnh Bảo, TP Rạch Giá)	B	Thành phố Rạch Giá	495m; công trình phụ.	2022-2023	số 66/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh;	120.000	100.000										100.000				100.000					
B	LĨNH VỰC AN SINH XÃ HỘI						100.000	100.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100.000	0	0	0	100.000	0				
I	Thực hiện dự án						100.000	100.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100.000	0	0	0	100.000	0				
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023						100.000	100.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100.000	0	0	0	100.000	0				
1	Dự án nâng cấp, cải tạo Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Kiên Giang	B	huyện Châu Thành	XD mới+ cải tạo; thiết bị	2022-2023	số 65/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh;	100.000	100.000										100.000				100.000					
C	LĨNH VỰC Y TẾ						232.764	212.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	212.000	0	0	0	212.000	0				
I	Thực hiện dự án						232.764	212.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	212.000	0	0	0	212.000	0				
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023						232.764	212.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	212.000	0	0	0	212.000	0				



TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Năm 2022								Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2022		KH Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội				Dự kiến kế hoạch 2023		Ghi chú			
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Kế hoạch		giải ngân từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/9/2022		Ước giải ngân từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/01/2023		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó: NSTW		Trong đó: đã giao kế hoạch năm 2022		Trong đó: NSTW		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư							Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư	Tổng số		Trong đó: Chuẩn bị đầu tư		
																										Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24				
1	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang	B	huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang	XD mới+ cải tạo; thiết bị	2022-2023	96/NQ-HĐND ngày 06/9/2022 của HĐND tỉnh Kiên Giang	114.349	112.434									112.434				112.434						
2	Dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị cho 13 Trung tâm Y tế tuyến huyện và Bệnh viện ung bướu tỉnh Kiên Giang	B	Tỉnh Kiên Giang	XDM các khoa; HTKT; Mua sắm thiết bị y tế	2022-2023	95/NQ-HĐND ngày 06/9/2022 của HĐND tỉnh Kiên Giang	118.415	99.566									99.566				99.566						







Biểu số III  
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2022 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2023  
(Kèm theo Báo cáo số 29/BC-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết Hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Số quyết định	Quyết định đầu tư															Năm 2022										Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025										Dự kiến KH năm 2023				Ghi chú					
								TMDT															Kế hoạch					Giải ngân kế hoạch năm 2021 từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/9/2022					Ước giải ngân kế hoạch năm 2022 từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/01/2023					Giai đoạn 2021-2025					Trong đó: Đã giao các năm 2021, 2022					Trong đó:				
								Trong đó:			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)												Trong đó:		Trong đó:			Trong đó:		Trong đó:					Trong đó:					Trong đó:												
								Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)										Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài			Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài			Vốn đối ứng nguồn NSTW					Vốn nước ngoài (vốn NSTW)					Vốn đối ứng nguồn NSTW												
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó vốn NSTW	Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt		Tổng số	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài	Tổng số	Trong đó:	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Chuyển bị đầu tư	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Tổng số	Trong đó:	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Chuyển bị đầu tư	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Tổng số	Trong đó:	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Chuyển bị đầu tư	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)									
1	TỔNG SỐ							1.352.593	313.194	158.448	1.039.399	842.771	196.628	99.011	99.011	49.485	-	49.485	89.300		89.300	488.148	-	-	488.148	314.300	-	-	-	314.300	30.000	-	-	-	30.000																	
1	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIỆM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN							1.298.764	302.782	158.448	995.982	812.379	183.603	89.300	-	89.300	49.485	-	49.485	89.300		89.300	473.148	-	-	473.148	299.300	-	-	-	299.300	30.000	-	-	-	30.000																
(1)	Các dự án hoàn thành năm 2022							1.067.798	245.661	158.448	-	822.137	638.534	183.603	89.300	-	89.300	49.485	-	49.485	89.300		89.300	299.300	-	-	299.300	299.300	-	-	-	299.300	-	-	-	-	-															
1	Chống chịu biến đổi khí hậu vùng đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - WB9	7615834		WB	2017	2022		729.247	117.238	109.399	612.009	428.406	183.603	74.300	74.300	34.650	34.650	74.300		74.300	214.300				214.300	214.300				214.300	-	-	-	-	-	-																
2	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững (Vnasat)	7491010		WB	2015	2022		338.551	128.423	49.090	210.128	210.128		15.000	15.000	14.835	14.835	15.000		15.000	85.000				85.000	85.000				85.000	-	-	-	-	-	-																
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2023							330.966	57.421	-	24 triệu EUR	173.845	173.845	-	-	-	-	-	-	-	-	173.845	-	-	-	173.845	-	-	-	-	-	-	-	-	-	30.000	-	30.000														
1	Dự án kết hợp bảo vệ vùng ven biển và phục hồi đại rừng ngập mặn tại Kiên Giang và Cà Mau			KfW	27/12/2018	31/12/2023		230.966	57.121		24 triệu EUR	173.845	173.845									173.845				173.845				20.000						20.000																
11	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG							53.829	10.412	-	-	43.417	30.392	13.025	9.711	9.711					15.000				15.000	15.000				15.000	-	-	-	-	-	-																
(1)	Các dự án hoàn thành năm 2022							53.829	10.412	-	-	43.417	30.392	13.025	9.711	9.711					15.000				15.000	15.000				15.000	-	-	-	-	-	-	-															
1	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	7660879		WB	2017	2022		53.829	10.412			43.417	30.392	13.025	9.711	9.711					15.000				15.000	15.000				15.000	-	-	-	-	-	-																